**Tuần: 2**

Môn: TV(HV)

Tên bài: **cỏ, cọ**

Tiết: 15,16

Ngày dạy: Ngày 12 tháng 9 năm 2023

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết thanh hỏi và dấu hỏi, thanh nặng và dấu nặng.

- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cỏ, cọ.

- Nhìn hình, phát âm, tự tìm được tiếng có thanh hỏi, thanh nặng.

- Đọc đúng bài Tập đọc.

- Viết đúng các tiếng cỏ, cọ, cổ, cộ (trên bảng con).

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, cây cối.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

\*GV: SGK, SGV, bộ chữ, tranh ảnh, vật thực ,bảng cài,

\* HS: SGK, bảng con, phấn, bút, vở Bài tập Tiếng Việt 1- tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Hoạt động mở đầu:** | | |  |
| - Ổn định lớp, HS hát.  - GV GV giới thiệu | | | - Hát  - HS theo dõi |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** | | | |
| **Hoạt động 1: Khám phá** | | | |
| **1. Dạy tiếng cỏ:** | | |  |
| - GV đưa tranh bụi cỏ lên bảng.  ***-*** *Đây là cây gì?* | | | - HS quan sát  - HS : Đây là bụi cỏ. |
| ***-*** *GV viết lên bảng tiếng* ***cỏ***  - GV chỉ tiếng **cỏ** | | | - HS : Đây là bụi cỏ.  - HS nhận biết tiếng **cỏ**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cỏ** |
| ***\* Phân tích*** | | |  |
| + GV che dấu hỏi ở tiếng **cỏ** rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | | | - HS đọc: **co** |
| - GV chỉ vào chữ **cỏ,** nói đây là một tiếng mới. So với tiếng **co** thì tiếng này có gì khác?  - Đó là dấu hỏi chỉ thanh hỏi  - GV đọc : **cỏ**  - GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: Tiếng **cỏ** gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV cho HS nhắc lại | | | - Có thêm dấu trên đầu  - HS cá nhân – cả lớp : **cỏ**  - Tiếng **cỏ** gồm có âm **c** và âm **o**. Âm c đứng trước, âm **o** đứng sau, dấu hỏi đặt trên **o**.  - HS cả lớp nhắc lại |
| ***\* Đánh vần.***  - tiếng co có thêm dấu hỏi, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay: ( như sách hướng dẫn GV)  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***co-hỏi-cỏ***  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng **co** với bước đánh vần tiếng **cỏ** làm một cho gọn. | | | - HS: **co-hỏi-cỏ**  - Quan sát và cùng làm với GV  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***co-hỏi-cỏ***  - Cả lớp đánh vần: ***co-hỏi-cỏ.*** |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng **cỏ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **cỏ** | | **c-o-co-hỏi-cỏ** | | **c** | **ỏ** | | | | - Lắng nghe |
| - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-o-co-hỏi-cỏ.** | | | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : **c-o-co-hỏi-cỏ.** |
| **2. Dạy tiếng cọ:** | | |  |
| - GV đưa tranh con cá lên bảng.  - Đây là cây gì?  - GV viết lên bảng tiếng **cọ**  - GV chỉ tiếng **cọ** | | | - HS quan sát  - HS : Đây là cây cọ  - HS nhận biết tiếng **cọ**  - HS đọc CN-tổ-cả lớp: **cọ** |
| ***\* Phân tích*** | | |  |
| - GV hỏi: tiếng cọ khác tiếng cỏ ở dấu thanh gì?  - Đó là dấu nặng chỉ thanh nặng  - GV đọc : **co- nặng – cọ/ cọ**  - Tiếng **cọ** gồm có những âm nào? Thanh nào?  - GV: Tiếng **cỏ** khác tiếng **cọ** ở thanh gì? | | | - HS :cọ có dấu nặng, cỏ có dấu hỏi.  - HS đánh vần và đọc trơn  - Tiếng **cọ** gồm có âm **c** đứng trước, âm **o** đứng sau, dấu nặng đặt dưới âm **o**.  - Tiếng **cỏ** có thanh hỏi, tiếng **cọ** có thanh nặng. |
| ***\* Đánh vần.***  -Tiếng co có thêm dấu nặng, ta đánh vần như thế nào?  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay: (như sách hướng dẫn gv)  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***co-nặng-cọ*** | | | - HS: **co-nặng-cọ**  - HS làm và phát âm cùng GV  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **co-nặng-cọ**  - Cả lớp đánh vần: **co-nặng-cọ** |
| - HS đánh vần và đọc trơn tiếng cọ | | | -HS:cờ-o-co-nặng-cọ/cọ |
| ***\* Củng cố:***  - Các em vừa học dấu mới là dấu gì?  - Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **cỏ, cọ** | | | - Dấu huyền, dấu sắc  - Tiếng **cỏ, cọ**  - HS đánh vần, đọc trơn : **c-o-co-hỏi-cỏ, c-o-co-nặng-cọ.** |
| **3.Hoạt động luyện tập thực hành:** | | | |
| ***1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Đố em: Tiếng nào có thanh hỏi?)*** |  | | | |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Nói to tên các con vật, cây, sự vật có thanh hỏi; nói nhỏ tên các con vật, cây, sự vật không có thanh hỏi. | - Học sinh lắng nghe | | | |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  *d. Báo cáo kết quả.*  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  (các hình còn lại tương tự) | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *hổ, mỏ, thỏ, bảng, võng, bò*  - HS lần lượt nói một vài vòng  + HS1 chỉ hình 1- HS2 nói to : **hổ**  +HS 2.............. | | | |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân | | | |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh hỏi | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (tỏi, sỏi, mỏi,...)  - HS tìm | | | |
| ***2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tìm tiếng có thanh nặng)*** |  | | | |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập: Vừa nói vừa vỗ tay tên các con vật, cây, sự vật có thanh nặng. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu bài tập | | | |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.  *d. Báo cáo kết quả.*  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.  ( các hình còn lại tiến hành tương tự) | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *ngựa, chuột, vẹt, quạt, chuối, vịt.*  - HS lần lượt nói một vài vòng  + HS1 chỉ hình 1- HS2 vỗ tay nói : **ngựa** | | | |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân | | | |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng ngoài bài có thanh nặng | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (lợn, cặp, điện thoại,...)  - HS thi nhau tìm | | | |
| **Tiết 2** | | | | |
| ***3. Tập đọc:*** | |  | | |
| ***a. Luyện đọc từ ngữ:*** | |  | | |
| - GV hướng dẫn học sinh đọc từ dưới nỗi hình | | - HS đánh vần (hoặc đọc trơn) | | |
| - GV chỉ hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu HS đọc. | | - HS (cả lớp – cá nhân) đọc | | |
|  | |  | | |
| b. Giáo viên đọc mẫu:  - GV đọc lại : ò...ó...o, cò, ô, cổ | | - HS nghe | | |
| ***c. Thi đọc cả bài:*** | |  | | |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp, | | - HS tham gia thi đọc | | |
| tổ, thi đọc cá nhân. | |  | | |
| - GV cùng học sinh nhận xét | |  | | |
| \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 5(dưới chân trang 15). | | \* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 4 chữ vừa học trong tuần: cỏ, cọ, cổ, cộ. | | |
| ***4. Tập viết (Bảng con – BT 5)*** | |  | | |  |
| ***a. Viết :* cỏ, cọ, cổ, cộ** | |  | | |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con.  - GV giới thiệu dấu hỏi và dấu nặng.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình viết.  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét | | - HS lấy bảng  - HS theo dõi  - HS viết tiếng cỏ, cọ, cổ, cộ bằng ngón tay trỏ  - HS viết bảng con  - HS giơ bảng  - HS theo dõi | | |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 6.  - GV khuyến khích HS tập viết **cỏ, cọ, cổ, cộ** trên bảng con. | | - Lắng nghe | | |

**IV. Điều chỉnh sau bài học:**

…………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………